

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

1

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----*****-----

Số : 101./1998/QĐ-UB

Bình Phước, ngày 13 tháng 8. năm 1998.

QUYẾT ĐỊNH CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

*V/v phê duyệt bổ sung hồ sơ thiết kế khai thác gỗ
rừng tự nhiên năm 1998.*

---***---

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

- Căn cứ Luật tổ chức HĐND và UBND (sửa đổi) ngày 21/6/1994
- Căn cứ công văn số 1262/BNN/PTLN ngày 19/3/1998 của Bộ Nông nghiệp-PTNT V/v sản lượng khai thác gỗ rừng tự nhiên năm 1998.

- Căn cứ hồ sơ thiết kế khai thác rừng tự nhiên năm 1998 đã được ngành chức năng phê duyệt và xét đề nghị của Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn tại công văn số 411/NN-PTNT ngày 30/7/1998, V/v mở rừng khai thác gỗ năm 1998.

QUYẾT ĐỊNH

ĐIỀU I : Nay phê duyệt bổ sung hồ sơ thiết kế khai thác gỗ rừng tự nhiên năm 1998, gồm các chỉ tiêu kỹ thuật chủ yếu, tổng hợp như sau :

- Đơn vị khai thác : Lâm trường Đồng Xoài, Bù Đăng, Bù Gia Mập và Đắc O :

- Tổng diện tích rừng khai thác :	144,7 ha
- Tổng số tiểu khu khai thác :	06
- Tổng số khoảnh khai thác :	12
- Tổng số lô khai thác :	17
- Tổng sản lượng khai thác:	
• Gỗ lớn :	4.127,49 m ³
• Gỗ nhỏ :	381,36m ³
• Củi :	525,32 Ste

(Kèm theo biểu chi tiết địa danh - sản lượng khai thác gỗ rừng tự nhiên năm 1998).

ĐIỀU II : Các Lâm trường được phép mở rừng khai thác phải tổ chức thực hiện đúng theo hồ sơ thiết kế khai thác rừng tự nhiên được duyệt. Nghiêm cấm tác động đến các khu rừng ngoài vùng được phép khai thác; sau khai thác đưa rừng vào nuôi dưỡng đảm bảo tái sinh cho chu kỳ sau, trồng rừng trên diện tích đường, bãi theo thiết kế; tăng cường công tác quản lý bảo vệ rừng.

ĐIỀU III :

- Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn có trách nhiệm công bố rộng rãi về địa danh, diện tích sản lượng chi tiết khai thác rừng tự nhiên năm 1998; thường xuyên kiểm tra, giám sát chặt chẽ việc khai thác (đã nêu ở điều I).

- Chi cục Kiểm lâm giám sát, chỉ đạo các Hạt kiểm lâm, và thực hiện đúng thông tư số 11 LN/KL, ngày 31/10/1995 của Bộ Lâm nghiệp (cũ) và Nghị định số 77/CP ngày 29/11/1996 của Chính Phủ.

ĐIỀU IV :

Các ông Chánh văn phòng UBND Tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp-PTNT, Sở Tài chính vật giá, Sở Kế hoạch đầu tư, Chi cục Trưởng Chi cục Kiểm lâm, Giám đốc các Lâm trường, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan và UBND Huyện Bù Đăng, Phước Long, Đồng Phú chịu trách nhiệm thi hành quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận :

- TTTU - TTHĐND (Thay B/C)
- Bộ NN-PTNT (Thay B/C)
- Như điều IV
- Cục Thuế, Cục QLV
- LĐVP, CV Chương, Lọc
- Lưu VT.

TM. UBND TỈNH

Kí: CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

[Signature]

CHI TIẾT ĐỊA DANH - SẢN LƯỢNG KHAI THÁC GỖ BỪNG TỰ NHIÊN

BỘ SƯNG NĂM 1998 - TỈNH BÌNH PHƯỚC (Kèm theo số: 101 / 1998 / SĐ-UB, ngày 13/8/1998).

TT	TÊN TỈNH	VỊ TRÍ KHU KHAI THÁC	DIỆN TÍCH (ha)	SẢN LƯỢNG GỖ (m ³)					GHI CHÚ	
				TỔNG	GỖ LỚN	GỖ NHỎ	CỎI	CHÓ		
TRƯỜNG		THU KHU	KHOẢNG	LỖ						
1	Bà Rịa Mập	41	5	3	27,3	1078,2	935,9	83,2	90	
			6	1	5,6	241,34	203,6	18,24	30	
			Tổng TK		32,9	1319,54	1139,5	102,04	120	
		43	4	2	17,4	584,15	479,7	42,96	94,6	
		5	2	16,3	738,58	618,4	55,38	99,7		
		Tổng TK		33,7	1322,73	1098,1	98,34	194,3		
		Tổng 2 TK	4	8	66,6	2642,27	2237,6	200,38	314,3	
2	Đakr	45	6	1	7,5	225,165	198,11	18,28	13,5	
			4	2	13	484,83	426	39,33	30	
			7	1	4,5	114,04	100,24	9,25	7	
			Tổng TK		25	824,035	724,35	66,86	50,5	
		47	8	1	6,5	160,16	137,01	12,64	16,18	
		46	1	1	6	194,18	170,63	15,75	12	
		Tổng 3 TK	5	6	37,5	1.178,375	1031,99	95,25	78,68	
3	Bà Rịa	159	3	1	14,6	349,41	281,63	35,15	50,21	
			1	1	16	393,7	317,75	39,36	56,23	
			Tổng TK		30,6	743,11	599,38	74,51	106,44	
		415	2	1	10	286,57	258,52	11,22	25,9	
			Tổng toàn Tỉnh		TK	12	17	144,7	4850,33	4127,49

